

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày: 25/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoàng Vũ;

Bà Phan Thị Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 6 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 09/09/1989; Nơi thường trú và nơi cư trú: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp T, xã H, thành phố Cần Thơ); Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Bé B và Dương Thị N; Vợ là Lê Thị Chúc L; Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2015 và nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2025, sau đó chuyển tạm giam cho đến ngày 09/7/2025 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt

Bị hại: Phạm Võ Ngọc Đ, sinh năm 1996; Nơi cư trú: ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt

Người làm chứng: Huỳnh Thị Đ1, sinh năm 1983; Nơi cư trú: ấp C, xã U, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Ngọc T là người đi làm thuê cho ông Nguyễn Quốc H, thường trú ở

tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ), T đi theo xe cầu phụ cận trụ điện ở các tỉnh. Ngày 04/05/2025, ông H kêu T cùng anh Lê Quang V lái xe cầu đến địa bàn huyện U (nay là xã U) để cận trụ điện. Đến sáng ngày 05/05/2025, V điều khiển xe cầu chở T đến địa bàn U Minh T1 cận trụ điện, chiều đậu xe cầu và ngủ tại ấp Đ, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang). Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T đi đến nhà trọ của ông Nguyễn Văn S (ở ấp Đ) nhậu cùng với ông S, Nguyễn Văn Q (con ông S) và ông Nguyễn Văn C, khoảng 21 giờ cùng ngày thì nghỉ nhậu tại nhà ông S; lúc này T rủ mọi người đi nhậu tiếp, khi đi ông C điều khiển xe chở T, còn Q chở ông S đi đến quán K, thuộc ấp C, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp C, xã U, tỉnh An Giang) vào quán nhậu.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày T nghỉ nhậu và đi bộ về xe cầu ở ấp Đ để ngủ, nhưng T không cho ông S, C và Q hay; khi đi đến nhà nghỉ T5 (thuộc ấp C), T thấy nhà nghỉ không đóng cửa, do say rượu nên T đi vào nhà nghỉ nằm trên ghế một lúc nhưng không thấy ai, T đi xem trong nhà nghỉ cũng không thấy ai nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 71B3-044.56 đang đậu trong nhà nghỉ của anh Phạm Võ Ngọc Đ (xe anh Đ mua lại của Lê Mai Ngọc H1, nay đổi tên là Lê Hoàng T2) để điều khiển về Hậu Giang thăm vợ. Lúc này, T lén lút dẫn xe mô tô 71B3-044.56 đi ra nhà nghỉ về hướng quán K được khoảng 15 mét thì chị Huỳnh Thị Đ1 chủ nhà nghỉ đi ra thấy T đang dẫn xe của Đ đi ra khỏi nhà nghỉ, chị Đ1 nói “xe của ai mà dẫn”, T nói “xe của tôi gửi hai ngày trước”, nói xong T dựng xe lại và bỏ chạy về hướng quán Mèo Mi nên chị Đ1 điện thoại cho anh Đ nói xe bị lấy trộm nên Đ điện thoại cho Hoàng Văn T3 bạn của Đ để cùng truy bắt, khoảng 15 phút sau anh Đ và T3 phát hiện, bắt giữ T đang lẩn trốn trong vườn cách nhà nghỉ T5 khoảng 50 mét và trình báo Công an xã A.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

+ 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 71B3-044.56; số máy JC54E3169584; số khung: 537XEZ059514; Nhãn hiệu; Honda; số loại: Future; Màu sơn: Đỏ đen (BL số 101).

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng; hiệu Realme UI; màu xanh dương, có gắn thẻ sim điện thoại số 0907880796, đã qua sử dụng (BL số 2-4).

* *Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 12/05/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện U kết luận:* 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 71B3-044.56; số máy JC54E3169584; số khung:

537XEZ059514; nhãn hiệu: Honda; số loại: Future; Màu sơn: Đỏ đen. T4 tài sản có giá trị theo kết luận định giá là 12.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSVT ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - An Giang đã truy tố bị cáo Huỳnh Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T từ 02 năm đến 03 năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam.

Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Viện Kiểm sát không đề nghị.

Xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 71B3-044.56; số máy JC54E3169584; số khung: 537XEZ059514; Nhãn hiệu; Honda; số loại: Future; Màu sơn: Đỏ đen (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K đã trả lại cho bị hại anh Phạm Võ Ngọc Đ).

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng; hiệu Realme UI; màu xanh dương, có gắn thẻ sim điện thoại số 0907880796, đã qua sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, trả lại cho bị cáo do không liên quan đến việc phạm tội.

- Bị hại Phạm Võ Ngọc Đ vắng mặt không có lời trình bày. Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin cho bị cáo được hưởng án treo do bị cáo là thu nhập chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với việc vắng mặt của bị hại Phạm Võ Ngọc Đ, người làm chứng Huỳnh Thị Đ1 đã có lời khai làm rõ trong hồ sơ vụ án. Xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt Phạm Võ Ngọc Đ, Huỳnh Thị Đ1.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; lợi dụng sơ hở của bị hại, lén lút trộm cắp tài sản; bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; tài sản bị cáo trộm cắp có tổng giá trị là 12.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần tuyên cho bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xem xét có phần giảm nhẹ cho bị cáo.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 03 năm cải tạo không giam giữ, đồng thời bị cáo xin được hưởng án treo. Thấy rằng, hành vi của bị cáo Huỳnh Ngọc T tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên trong thời gian gần đây hành vi trộm cắp tài sản xảy ra nhiều, đặc biệt ở các vùng nông thôn gây bất an và lo lắng cho người dân, ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý, khiến họ mất an tâm trong lao động sản xuất và đời sống hàng ngày. Ngoài ra, qua lý lịch bị can cho thấy, từ năm 2014 đến năm 2025 bị cáo không thường xuyên có mặt tại địa phương mà đi làm thuê ở nhiều tỉnh khác nhau

đều đó cho thấy nơi cư trú của bị cáo không ổn định nên Hội đồng xét xử không thống nhất xử bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và cho bị cáo hưởng án treo theo yêu cầu của bị cáo mà xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tập trung để cơ quan chức năng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Đối với vật chứng là 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 71B3-044.56; số máy JC54E3169584; số khung: 537XEZ059514; Nhãn hiệu; Honda; số loại: Future; Màu sơn: Đỏ đen Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K đã trả lại cho bị hại anh Phạm Võ Ngọc Đ.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng; hiệu Realme UI; màu xanh dương, có gắn thẻ sim điện thoại số 0907880796, đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội nên áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 trả lại cho bị cáo.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và các Điều 6, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T 06 (sáu) tháng tù, tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2025 đến ngày 09/7/2025.

2- Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Huỳnh Ngọc T 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng; hiệu Realme UI; màu xanh dương, có gắn thẻ sim điện thoại số 0907880796, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - An Giang đang quản lý theo biên bản giao nhận ngày 15/7/2025).

3- Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4- Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã Hoà Lự;
- VKSND khu vực 6 - An Giang;
- CA xã Hoà Lự;
- CA xã U Minh Thượng;
- Phòng Thi hành án khu vực 6 - An Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh An Giang;
- Phân trại tạm giam khu vực Vĩnh Thuận;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Diễm